

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3207/2022/DS-ST

Ngày: 24/8/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (trụ sở 3) địa chỉ: 18 đường số 6, khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2022/DS-ST ngày 18/5/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4556/2020/QĐXXST-DS ngày 08/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 5234/2022/QĐST-DS ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P

Địa chỉ: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 đường L, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thương T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tầng 7, số 40A-40B đường U, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Quốc H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 168 đường L, khu phố x, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P có đại diện theo ủy quyền ông Lê Thương T trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần P và ông Đỗ Quốc H ký kết với nhau các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0155/2017/HĐTD-CN ngày 05/05/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 0155/2017-OCB/KU'NN-CN ngày 05/05/2017, Ngân hàng cho ông H vay số tiền là 630.000.000 đồng

Hợp đồng tín dụng số 0259/2017/HĐTD-CN ngày 16/06/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 0259/2017-OCB/KU'NN-CN ngày 16/06/2017, Ngân hàng cho ông H vay số tiền là 647.000.000 đồng

Hợp đồng tín dụng số 0273/2017/HĐTD-CN ngày 27/06/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 0273/2017-OCB/KU'NN-CN ngày 27/06/2017, Ngân hàng cho ông H vay số tiền là 647.000.000 đồng

Mục đích vay: Mua xe ô tô trả góp và mua xe ô tô mới; thời hạn vay 84 tháng; lãi suất vay: 9,0%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày). Tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 9,1250%/năm, với công thức quy đổi là $(9,0\%/năm: 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$, áp dụng cho 06 tháng đầu tiên. Từ tháng thứ 07 trở đi áp dụng theo công thức sau: Lãi suất vay (điều chỉnh) = lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất. Trong đó: Lãi suất cơ sở: (bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm Việt Nam Đồng kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi: 360) \times 365; biên độ lãi suất: (tối thiểu 4%/năm: 360) \times 365. Lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất điều chỉnh nêu trên được tính trên cơ sở 1 năm là 360 ngày nên sẽ được quy đổi trên cơ sở tính 1 năm là 365 theo công thức quy đổi là (Lãi suất vay điều chỉnh: 360 ngày) \times 365 ngày. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Thực hiện hợp đồng vay ông H đã nhận đủ số tiền vay của các hợp đồng từ Ngân hàng và thực hiện việc trả nợ được cho Ngân hàng số tiền của ba hợp đồng là 1.487.112.898 đồng (trong đó nợ gốc là 1.380.670.000 đồng, nợ lãi là 106.442.898 đồng, lãi trong hạn 105.195.115 đồng, lãi quá hạn 1.247.783 đồng và ngưng không thực hiện tiếp việc trả nợ cho Ngân hàng. Ngân đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, nhưng ông H vẫn không thực hiện; vì vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc ông Đỗ Quốc H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền vay nợ còn thiếu của ba hợp đồng tính đến ngày 24/8/2022 là 1.150.521.644 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 543.330.000 đồng; nợ lãi là 607.191.644 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 244.150.399 đồng, lãi quá hạn là 363.041.245 đồng). Cụ thể số tiền của từng hợp đồng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0155/2017/HĐTD-CN ngày 05/05/2017; nợ gốc là 184.685.000 đồng; nợ lãi là 208.010.889 đồng; tổng cộng là 392.695.889 đồng. Hợp đồng tín dụng số 0259/2017/HĐTD-CN ngày 16/06/2017; nợ gốc là 181.175.000 đồng; nợ lãi là 194.634.954 đồng; tổng cộng số tiền là 375.809.954 đồng. Hợp đồng tín dụng số 0273/2017/HĐTD-CN ngày 27/06/2017; nợ gốc 177.470.000 đồng; nợ lãi là 204.545.801 đồng; tổng cộng là 382.015.801 đồng. Kể từ ngày 25/8/2022 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông Đỗ Quốc H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Đỗ Quốc H (vắng mặt không có lời khai).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự; tuy nhiên Tòa án có vi phạm về thời hạn xét xử vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phương Đông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ phiếu xác minh ngày 26/5/2022 thể hiện bị đơn ông Đỗ Quốc H cư trú tại địa chỉ số 168 đường L, khu phố x, phường B, thành phố T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 07/4/2022 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P ủy quyền cho ông Lê Thương T tham gia tố tụng. Tại phiên tòa (xét xử vụ án lần thứ hai) ông Tín có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 85, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5]. Bị đơn ông Đỗ Quốc H, đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đỗ Quốc H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền vay nợ còn thiếu của ba hợp đồng tính đến ngày 24/8/2022 là 1.150.521.644 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 543.330.000 đồng; nợ lãi là 607.191.644 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 244.150.399 đồng, lãi quá hạn là 363.041.245 đồng. Kể từ ngày 25/8/2022 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông Đỗ Quốc H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0155/2017/HĐTD-CN ngày 05/05/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 0155/2017-OCB/KUNN-CN ngày 05/05/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông H có nội dung "... Ngân hàng thương mại cổ phần P – chi nhánh B – phòng giao dịch H cho ông H vay số tiền là 630.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; mục đích vay mua ô tô trả góp; lãi suất vay trong hạn 9.0%/năm ...".

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0259/2017/HĐTD-CN ngày 16/06/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 0259/2017-OCB/KUNN-CN ngày 16/06/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông H có nội dung "... Ngân hàng thương mại cổ phần P – chi nhánh B – phòng giao dịch H cho ông H vay số tiền là 647.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; mục đích vay mua ô tô mới; lãi suất vay trong hạn 9.0%/năm ...".

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0273/2017/HĐTD-CN ngày 27/06/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 0273/2017-OCB/KUNN-CN ngày 27/06/2017 được ký

kết giữa Ngân hàng và ông H có nội dung “... Ngân hàng thương mại cổ phần P – chi nhánh Bến Thành – phòng giao dịch Hàm Nghi cho ông H vay số tiền là 647.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; mục đích vay mua ô tô mới; lãi suất vay trong hạn 9.0%/năm ...”.

Thực hiện hợp đồng vay đại diện nguyên đơn trình bày: Đối với hợp đồng cấp tín dụng số 0155/2017/HĐTD-CN ngày 05/05/2017; ông H đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 445.315.000 đồng; tiền lãi là 38.528.807 đồng. Đối với hợp đồng cấp tín dụng số 0259/2017/HĐTD-CN ngày 16/06/2017; ông H đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 469.530.000 đồng; tiền lãi là 28.772.848 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số 0273/2017/HĐTD-CN ngày 27/06/2017; ông H đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 465.825.000 đồng; tiền lãi là 39.141.243 đồng và ngưng không tiếp tục thực hiện.

Ngày 18/02/2022 nguyên đơn đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn; Ngân hàng đã yêu cầu nhưng ông H vẫn không thực hiện tiếp việc trả nợ. Do đó lỗi vi phạm hợp đồng vay thuộc về ông H kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm, như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 46.515.649 đồng ông Đỗ Quốc H phải chịu; Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005

- Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

Buộc ông Đỗ Quốc H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền có vốn gốc là 543.330.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 244.150.399 đồng, lãi quá hạn là 363.41.245 đồng; tổng cộng số tiền là 1.150.521.644 đồng. Trong đó số tiền cụ thể của từng hợp đồng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0155/2017/HĐTD-CN ngày 05/05/2017; nợ gốc là 184.685.000 đồng; nợ lãi là 208.010.889 đồng; tổng cộng là 392.695.889 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 0259/2017/HĐTD-CN ngày 16/06/2017; nợ gốc là 181.175.000 đồng; nợ lãi là 194.634.954 đồng; tổng cộng số tiền là 375.809.954 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 0273/2017/HĐTD-CN ngày 27/06/2017; nợ gốc 177.470.000 đồng; nợ lãi là 204.545.801 đồng; tổng cộng là 382.015.801 đồng.

Kể từ ngày 25/8/2022 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông Đỗ Quốc H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 46.515.649 đồng ông Đỗ Quốc H phải chịu; hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 22.553.081 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027165 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình